

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên Gói thầu: Gói thầu 01: Phát triển hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.

- Tổng mức đầu tư: 980.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn./.).

- Chủ đầu tư: Viện Sở hữu trí tuệ quốc gia.

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.

- Địa điểm, quy mô dự án:

+ Địa điểm: Viện Sở hữu trí tuệ quốc gia. Địa chỉ: Tòa nhà Cục Tần số vô tuyến điện – số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

+ Quy mô dự án: Phát triển hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.

- Các thông tin khác (nếu có). Không có.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

Nhà thầu phải đề xuất hoặc cam kết trong E-HSDT các nội dung đáp ứng yêu cầu sau:

- Hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu và các thành phần thuộc phạm vi gói thầu phải có nguồn gốc hợp pháp, bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

- Hệ thống phần mềm phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chức năng, nghiệp vụ, kỹ thuật, tích hợp, an toàn thông tin và các yêu cầu khác quy định tại Chương V của E-HSMT.

- Giải pháp đề xuất phải bảo đảm khả năng tương thích, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hạ tầng CNTT, cơ sở dữ liệu và các hệ thống liên quan của Chủ đầu tư theo yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật phù hợp theo yêu cầu tại Chương III để chứng minh giải pháp đề xuất đáp ứng các yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.

- Nhà thầu phải lập Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật đối với toàn bộ các yêu cầu quy định tại Chương V của E-HSMT. Trong đó:

+ Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật, Nhà thầu phải mô tả rõ giải pháp, phương án đáp ứng, tài liệu chứng minh và chỉ rõ vị trí tham chiếu (mục, trang, dòng) của tài liệu làm căn cứ chứng minh đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

+ Các nội dung tham chiếu trong tài liệu kỹ thuật phải được đánh dấu (highlight) để phục vụ công tác đánh giá E-HSDT.

- Nhà thầu cam kết hệ thống được xây dựng, triển khai phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành có liên quan (nếu có).

(Ghi chú:

(i) Trường hợp có sự sai khác giữa Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật và tài liệu kỹ thuật do Nhà thầu nộp thì Chủ đầu tư sẽ xem xét, đối chiếu trên cơ sở toàn bộ tài liệu trong E-HSDT để đánh giá tính đáp ứng của giải pháp.

(ii) Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu làm rõ E-HSDT theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu trình diễn, thuyết minh hoặc chứng minh khả năng đáp ứng của giải pháp đề xuất để phục vụ công tác đánh giá E-HSDT.

(iii) Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và trung thực của các thông tin, tài liệu nộp kèm theo E-HSDT.

(iv) Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh giải pháp, phần mềm, thiết bị (nếu có) chào thầu đáp ứng đầy đủ hoặc tốt hơn các yêu cầu của E-HSMT; trường hợp E-HSMT có nêu nhãn hiệu, model, xuất xứ, nền tảng công nghệ hoặc sản phẩm cụ thể (nếu có) thì chỉ mang tính chất tham khảo, nhà thầu được phép đề xuất giải pháp tương đương hoặc cao hơn nhưng phải chứng minh tính tương đương hoặc ưu việt của giải pháp đề xuất.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Nhà thầu tham gia dự thầu phải đề xuất đầy đủ các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu theo yêu cầu tại E-HSMT.

b1. Nhà thầu phải có bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật đối với các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp thuộc phạm vi cung cấp theo mẫu sau:

TT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu/ Nhãn mác sản phẩm, Tên nhà sản xuất, Xuất xứ	Yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kỹ thuật chào thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6
1					Trang ... của Catalog ... thuộc E-HSDT
...					Trang ... của Catalog ... thuộc E-HSDT
n					Trang ... của Catalog ... thuộc E-HSDT

Ghi chú:

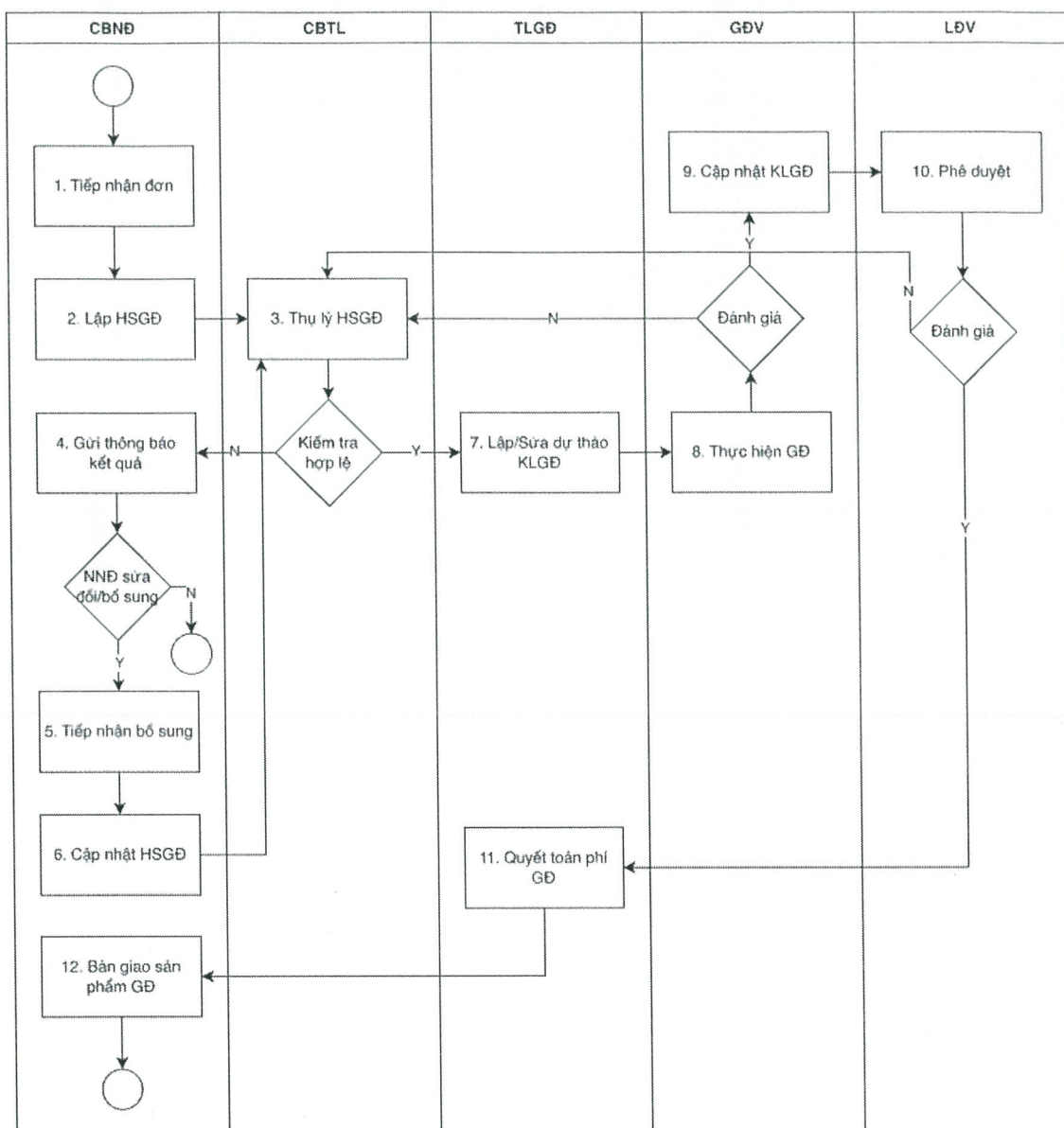
- Cột 1, 2, 4: Nhà thầu ghi thông tin theo yêu cầu của E-HSMT;
- Cột 3, 5: Nhà thầu ghi các thông tin của hàng hóa dự thầu;
- Cột 6: Nhà thầu tham chiếu tài liệu cung cấp chứng minh cho các thông tin kê khai đính kèm khi nộp E-HSDT.

Yêu cầu nhà thầu tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào đáp ứng các nội dung yêu cầu kỹ thuật dưới đây hoặc đáp ứng tốt hơn. Bất kỳ Nhãn hiệu, mã hiệu hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo và minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT. Kích thước và cân nặng nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ để tham khảo không phải là tiêu chí trượt kỹ thuật.

Dưới đây là yêu cầu kỹ thuật tối thiểu. Nhà thầu phải chào đáp ứng yêu cầu tối thiểu, nếu bất kỳ Nhãn hiệu, mã hiệu nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ để minh họa các yêu cầu chất lượng, yêu cầu kỹ thuật, không phải tiêu chuẩn đánh giá.

b2. Yêu cầu về nội dung thiết kế chi tiết:

b2.1. Quy trình nghiệp vụ



Mô tả quy trình:

Bước 1: Cán bộ nhận đơn Tiếp nhận đơn

- Kiểm tra mẫu vật/tài liệu kèm theo đơn.
- Thu phí cơ bản.
- Lập phiếu Biên nhận đơn.

Bước 2: Cán bộ nhận đơn Lập hồ sơ giám định

- Khai báo thông tin đăng ký hồ sơ giám định.
- Đính kèm file thành phần hồ sơ lên hệ thống.

Bước 3: Cán bộ thụ lý thực hiện đánh giá

- Cán bộ thụ lý sau khi nhận được hồ sơ đánh giá xem xét.
- + Nếu hồ sơ không đạt thì nhập ý kiến xử lý gửi thông báo không đạt cho bộ phận tiếp nhận.

+ Nếu hồ sơ đạt chuyển sang bước lập kết luận giám định.

Bước 4: Cán bộ nhận đơn gửi thông báo kết quả không đạt

- Cán bộ tiếp nhận gửi thông báo cho người nộp đơn kết quả xử lý hồ sơ không đạt.
- Trường hợp người nộp đơn không phản hồi, nộp sửa đổi bổ sung đơn theo quy định thì kết thúc quy trình.

Bước 5: Cán bộ nhận đơn Tiếp nhận đơn bổ sung

- Trường hợp người nộp đơn nộp sửa đổi/bổ sung đơn thì cán bộ nhận đơn tiến hành Tiếp nhận đơn bổ sung.

Bước 6: Cán bộ nhận đơn Cập nhật hồ sơ giám định

- Cán bộ nhận đơn cập nhật hồ sơ giám định, bổ sung thông tin liên quan.

Bước 7: Trợ lý giám định lập dự thảo kết luận giám định

- Trợ lý giám định viên tạo Bản KLGD.
- Chuyển giám định viên thực hiện nội dung giám định.
- Tải file Bản KLGD.

Bước 8: Giám định viên thực hiện nội dung giám định

- Giám định viên kiểm tra tình trạng bảo hộ, xác định phạm vi quyền.
- Giám định viên xác định yếu tố xâm phạm/mức độ xâm phạm.

Bước 9: Giám định viên cập nhật kết luận giám định

- Giám định viên cập nhật KLGD sau khi thực hiện nội dung giám định.
- Chuyển KLGD trình lãnh đạo Viện phê duyệt.
- Trong quá trình giám định, có thể yêu cầu thụ lý lại hồ sơ.

Bước 10: Lãnh đạo Viện phê duyệt kết luận giám định

- Lãnh đạo Viện phê duyệt KLGD.
- Lãnh đạo Viện yêu cầu thụ lý lại hồ sơ.
- Chuyển Trợ lý giám định để lập bảng tính chi phí.

Bước 11: Trợ lý giám định Quyết toán phí giám định

- Trợ lý giám định tính toán chi phí giám định.
- Lập thông báo phí.

Bước 12: Cán bộ nhận đơn Bàn giao sản phẩm giám định

- Lập biên bản bàn giao.
- Bàn giao sản phẩm giám định.
- Lưu trữ hồ sơ.

b2.2. Các tác nhân tham gia vào quy trình nghiệp vụ

STT	Tên tác nhân	Mô tả tác nhân
1	Quản trị hệ thống (QTHT)	Cấu hình hệ thống, quản lý người dùng, phân quyền
2	Cán bộ nhận đơn (CBND)	Tiếp nhận đơn mới, thông báo cho người nộp đơn, trả kết quả
3	Cán bộ thụ lý (CBTL)	Thụ lý đơn, kiểm tra hình thức, đánh giá sự hợp lệ
4	Trợ lý giám định (TLGD)	Xử lý hồ sơ ban đầu, hỗ trợ giám định viên
5	Giám định viên (GDV)	Thực hiện các nhiệm vụ giám định, nhập kết quả
6	Kế toán (KT)	Quản lý phí, hóa đơn
7	Cán bộ hồi cố (CBHC)	Hồi cố hồ sơ cũ
8	Lãnh đạo Viện (LDV)	Phê duyệt hồ sơ, theo dõi báo cáo, ra quyết định

b2.3. Bảng sắp xếp thứ tự ưu tiên các chức năng

STT	Mô tả yêu cầu	Phân loại	Ghi chú
1	- Danh sách hồ sơ tiếp nhận	Yêu cầu truy vấn	
2	- Tạo mới hồ sơ giám định	Dữ liệu đầu vào	
3	- Tạo phiếu Biên nhận đơn	Dữ liệu đầu ra	
4	- Xuất/In phiếu Biên nhận đơn	Dữ liệu đầu ra	
5	- Gửi hồ sơ đến phòng ban chuyên môn	Dữ liệu đầu vào	
6	- Danh sách hồ sơ chờ phân công	Yêu cầu truy vấn	
7	- Xem chi tiết hồ sơ chờ phân công	Yêu cầu truy vấn	
8	- Phân công thụ lý hồ sơ	Dữ liệu đầu vào	
9	- Thu hồi phân công	Dữ liệu đầu vào	
10	- Danh sách hồ sơ chờ thụ lý	Yêu cầu truy vấn	
11	- Xem chi tiết hồ sơ chờ thụ lý	Yêu cầu truy vấn	
12	- Cập nhật nội dung thụ lý	Dữ liệu đầu vào	
13	- Tạo phiếu thụ lý	Dữ liệu đầu ra	
14	- Xuất/In phiếu thụ lý	Dữ liệu đầu ra	
15	- Chuyển hồ sơ cho trợ lý giám định	Dữ liệu đầu vào	
16	- Danh sách hồ sơ chờ kết luận giám định	Yêu cầu truy vấn	
17	- Lập kết luận giám định	Dữ liệu đầu ra	
18	- Cập nhật nội dung kết luận giám định	Dữ liệu đầu vào	

19	- Xuất/In bản kết luận giám định	Dữ liệu đầu ra	
20	- Trình duyệt kết luận giám định	Dữ liệu đầu vào	
21	- Danh sách hồ sơ chờ duyệt kết luận giám định	Yêu cầu truy vấn	
22	- Xem/Sửa chi tiết hồ sơ chờ duyệt	Yêu cầu truy vấn	
23	- Chấp nhận/duyet kết luận giám định	Dữ liệu đầu vào	
24	- Từ chối/yêu cầu chỉnh sửa kết luận giám định	Dữ liệu đầu vào	
25	- Trình phê duyệt kết luận giám định	Dữ liệu đầu vào	
26	- Danh sách hồ sơ chờ phê duyệt kết luận giám định	Yêu cầu truy vấn	
27	- Xem/Sửa chi tiết hồ sơ chờ phê duyệt	Yêu cầu truy vấn	
28	- Chấp nhận/phê duyệt kết luận giám định	Dữ liệu đầu vào	
29	- Từ chối phê duyệt/yêu cầu chỉnh sửa kết luận giám định	Dữ liệu đầu vào	
30	- Danh sách hồ sơ chờ quyết toán phí	Yêu cầu truy vấn	
31	- Lập thông báo phí	Dữ liệu đầu ra	
32	- Xuất/In thông báo phí	Dữ liệu đầu ra	
33	- Chuyển bàn giao kết quả giám định	Dữ liệu đầu vào	
34	- Danh sách hồ sơ chờ bàn giao kết quả giám định	Yêu cầu truy vấn	
35	- Lập biên bản bàn giao	Dữ liệu đầu ra	
36	- Xuất/In biên bản bàn giao	Dữ liệu đầu ra	
37	- Đính kèm file, thành phần hồ sơ lên hệ thống	Dữ liệu đầu vào	
38	- Chuyển hồ sơ sang lưu trữ	Dữ liệu đầu vào	
39	- Danh sách hồ sơ tiếp nhận khiếu nại	Yêu cầu truy vấn	
40	- Tạo mới hồ sơ giám định liên quan khiếu nại	Dữ liệu đầu vào	
41	- Nhập nội dung khiếu nại	Dữ liệu đầu vào	
42	- Chỉnh sửa/cập nhật nội dung khiếu nại	Dữ liệu đầu vào	
43	- Danh sách hồ sơ hồi cố	Yêu cầu truy vấn	
44	- Lập hồ sơ hồi cố	Dữ liệu đầu vào	
45	- Xem chi tiết hồ sơ hồi cố	Yêu cầu truy vấn	
46	- Sửa hồ sơ hồi cố	Dữ liệu đầu vào	
47	- Xóa hồ sơ hồi cố	Dữ liệu đầu vào	
48	- Trích xuất nội dung từ kết luận giám định	Dữ liệu đầu vào	
49	- Tìm kiếm theo từ khóa đơn giản (Mã hồ sơ, Người nộp đơn, Đại diện, ...)	Yêu cầu truy vấn	
50	- Xem danh sách kết quả tra cứu cơ bản	Yêu cầu truy vấn	

51	- Xem chi tiết hồ sơ tra cứu cơ bản	Yêu cầu truy vấn	
52	- Xuất/in Danh sách kết quả tra cứu cơ bản	Dữ liệu đầu ra	
53	- Tìm kiếm theo khoảng thời gian	Yêu cầu truy vấn	
54	- Lọc theo nhiều tiêu chí (Mục đích giám định, Nội dung giám định, Kết quả giám định, ...)	Yêu cầu truy vấn	
55	- Xem danh sách kết quả tra cứu nâng cao	Yêu cầu truy vấn	
56	- Xem chi tiết hồ sơ tra cứu nâng cao	Yêu cầu truy vấn	
57	- Xuất/in Danh sách kết quả tra cứu nâng cao	Dữ liệu đầu ra	
58	- Thống kê theo đối tượng: Sáng chế (SC), kiểu dáng công nghiệp (KD), nhãn hiệu (NH), chỉ dẫn địa lý (CD), thiết kế bố trí (TK), tên thương mại (TM).	Yêu cầu truy vấn	
59	- Thống kê theo nội dung yêu cầu giám định: tương tự, tương đương, yếu tố xâm phạm quyền, hàng hoá giả mạo nhãn hiệu, xác định phạm vi bảo hộ, xác định giá trị thiệt hại	Yêu cầu truy vấn	
60	- Thống kê theo tên người nộp đơn: tên tổ chức, cá nhân, đại diện sở hữu công nghiệp.	Yêu cầu truy vấn	
61	- Thống kê theo phân loại chủ thể yêu cầu/trung cầu giám định: YC, TC, TC.TP	Yêu cầu truy vấn	
62	- Thống kê theo khu vực địa lý: Tỉnh/thành phố, quốc gia.	Yêu cầu truy vấn	
63	- Thống kê theo thời gian: ngày, tháng, năm, từ...đến....	Yêu cầu truy vấn	
64	- Thống kê theo kết quả giám định: tương tự/tương đương/yếu tố xâm phạm/hàng hoá giả mạo nhãn hiệu hoặc KHÔNG	Yêu cầu truy vấn	
65	- Thống kê theo mục đích giám định: Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, phản đối cáo buộc của người khác về việc xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, xem xét hiệu lực hoặc phạm vi bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, mục đích khác (đánh giá khả	Yêu cầu truy vấn	

	năng sử dụng hợp pháp SC/KD/NH/CD).		
66	- Thống kê theo tư cách người yêu cầu giám định: chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, người bị xử lý/bị khiếu nại tố cáo vì xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, người có quyền, lợi ích liên quan.	Yêu cầu truy vấn	
67	- Xuất/In kết quả thống kê	Dữ liệu đầu ra	
68	- Thống kê phí nộp đơn	Yêu cầu truy vấn	
69	- Thống kê phí giám định	Yêu cầu truy vấn	
70	- Xuất/In kết quả thống kê	Dữ liệu đầu ra	
71	- Danh sách người dùng	Yêu cầu truy vấn	
72	- Thêm mới người dùng	Dữ liệu đầu vào	
73	- Sửa/cập nhật thông tin người dùng	Dữ liệu đầu vào	
74	- Xóa người dùng	Dữ liệu đầu vào	
75	- Thêm người dùng vào nhóm	Dữ liệu đầu vào	
76	- Đặt lại mật khẩu người dùng	Dữ liệu đầu vào	
77	- Khóa/Mở khóa người dùng	Dữ liệu đầu vào	
78	- Danh sách nhóm người dùng	Yêu cầu truy vấn	
79	- Thêm mới nhóm người dùng	Dữ liệu đầu vào	
80	- Sửa/cập nhật thông tin nhóm người dùng	Dữ liệu đầu vào	
81	- Thêm/loại bỏ người dùng trong nhóm	Dữ liệu đầu vào	
82	- Phân quyền cho nhóm	Dữ liệu đầu vào	
83	- Danh sách đối tượng bảo hộ	Yêu cầu truy vấn	
84	- Thêm đối tượng bảo hộ	Dữ liệu đầu vào	
85	- Sửa/cập nhật thông tin đối tượng bảo hộ	Dữ liệu đầu vào	
86	- Xóa đối tượng bảo hộ	Dữ liệu đầu vào	
87	- Danh sách nội dung yêu cầu giám định	Yêu cầu truy vấn	
88	- Thêm mới nội dung yêu cầu giám định	Dữ liệu đầu vào	
89	- Sửa/cập nhật nội dung yêu cầu giám định	Dữ liệu đầu vào	
90	- Xóa nội dung yêu cầu giám định	Dữ liệu đầu vào	
91	- Danh sách người nộp đơn	Yêu cầu truy vấn	
92	- Thêm mới người nộp đơn	Dữ liệu đầu vào	
93	- Sửa/cập nhật thông tin người nộp đơn	Dữ liệu đầu vào	

94	- Xóa người nộp đơn	Dữ liệu đầu vào	
95	- Danh sách người đại diện	Yêu cầu truy vấn	
96	- Thêm mới người đại diện	Dữ liệu đầu vào	
97	- Sửa/cập nhật thông tin người đại diện	Dữ liệu đầu vào	
98	- Xóa người đại diện	Dữ liệu đầu vào	
99	- Danh sách loại hồ sơ	Yêu cầu truy vấn	
100	- Thêm mới loại hồ sơ	Dữ liệu đầu vào	
101	- Sửa/cập nhật thông tin loại hồ sơ	Dữ liệu đầu vào	
102	- Xóa loại hồ sơ	Dữ liệu đầu vào	
103	- Danh sách kết quả giám định	Yêu cầu truy vấn	
104	- Thêm mới kết quả giám định	Dữ liệu đầu vào	
105	- Sửa/cập nhật thông tin kết quả giám định	Dữ liệu đầu vào	
106	- Xóa kết quả giám định	Dữ liệu đầu vào	
107	- Danh sách mục đích giám định	Yêu cầu truy vấn	
108	- Thêm mới mục đích giám định	Dữ liệu đầu vào	
109	- Sửa/cập nhật mục đích giám định	Dữ liệu đầu vào	
110	- Xóa mục đích giám định	Dữ liệu đầu vào	
111	- Đăng nhập hệ thống	Dữ liệu đầu vào	
112	- Đăng xuất hệ thống	Dữ liệu đầu vào	
113	- Đổi mật khẩu	Dữ liệu đầu vào	
114	- Quên mật khẩu	Dữ liệu đầu vào	

b2.4. Bảng chuyển đổi Use case sang các trường hợp sử dụng

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
1	Biên nhận đơn	CBNĐ	- Danh sách hồ sơ tiếp nhận - Tạo mới hồ sơ giám định - Tạo phiếu Biên nhận đơn - Xuất/In phiếu Biên nhận đơn - Gửi hồ sơ đến phòng ban chuyên môn	B	Trung bình
2	Phân xử lý	GDV	- Danh sách hồ sơ chờ phân công - Xem chi tiết hồ sơ chờ phân công - Phân công thụ lý hồ sơ - Thu hồi phân công	B	Trung bình

3	Thụ lý đơn	CBTL	- Danh sách hồ sơ chờ thụ lý - Xem chi tiết hồ sơ chờ thụ lý - Cập nhật nội dung thụ lý - Tạo phiếu thụ lý - Xuất/In phiếu thụ lý - Chuyển hồ sơ cho trợ lý giám định	B	Trung bình
4	Thực hiện nội dung giám định	TLGD	- Danh sách hồ sơ chờ kết luận giám định - Lập kết luận giám định - Cập nhật nội dung kết luận giám định - Xuất/In bản kết luận giám định - Trình duyệt kết luận giám định	B	Trung bình
5	Duyệt kết luận giám định	GĐV	- Danh sách hồ sơ chờ duyệt kết luận giám định - Xem/sửa chi tiết hồ sơ chờ duyệt - Chấp nhận/duyệt kết luận giám định - Từ chối/yêu cầu chỉnh sửa kết luận giám định - Trình phê duyệt kết luận giám định	B	Trung bình
6	Phê duyệt kết luận giám định	LĐV	- Danh sách hồ sơ chờ phê duyệt kết luận giám định - Xem/sửa chi tiết hồ sơ chờ phê duyệt - Chấp nhận/phê duyệt kết luận giám định - Từ chối phê duyệt/yêu cầu chỉnh sửa kết luận giám định	B	Trung bình
7	Quyết toán phí	TLGD	- Danh sách hồ sơ chờ quyết toán phí - Lập thông báo phí - Xuất/In thông báo phí - Chuyển bàn giao kết quả giám định	B	Trung bình

8	Bàn giao kết quả giám định	CBNĐ	- Danh sách hồ sơ chờ bàn giao kết quả giám định - Lập biên bản bàn giao - Xuất/In biên bản bàn giao - Đính kèm file, thành phần hồ sơ lên hệ thống - Chuyển hồ sơ sang lưu trữ	B	Trung bình
9	Khiếu nại kết quả giám định	CBNĐ	- Danh sách hồ sơ tiếp nhận khiếu nại - Tạo mới hồ sơ giám định liên quan khiếu nại - Nhập nội dung khiếu nại - Chỉnh sửa/cập nhật nội dung khiếu nại	B	Trung bình
10	Hồi cố hồ sơ	CBHC	- Danh sách hồ sơ hồi cố - Lập hồ sơ hồi cố - Xem chi tiết hồ sơ hồi cố - Sửa hồ sơ hồi cố - Xóa hồ sơ hồi cố - Trích xuất nội dung từ kết luận giám định	B	Trung bình
11	Tra cứu cơ bản	NSD	- Tìm kiếm theo từ khóa đơn giản (Mã hồ sơ, Người nộp đơn, Đại diện, ...) - Xem danh sách kết quả tra cứu cơ bản - Xem chi tiết hồ sơ tra cứu cơ bản - Xuất/In danh sách kết quả tra cứu cơ bản	B	Trung bình
12	Tra cứu nâng cao	NSD	- Tìm kiếm theo khoảng thời gian - Lọc theo nhiều tiêu chí (Mục đích giám định, Nội dung giám định, Kết quả giám định, ...) - Xem danh sách kết quả tra cứu nâng cao - Xem chi tiết hồ sơ tra cứu nâng cao - Xuất/In danh sách kết quả tra cứu nâng cao	B	Trung bình
13	Thống kê hồ sơ	NSD	- Thống kê theo đối tượng: Sáng chế (SC), kiểu dáng công nghiệp (KD), nhãn hiệu (NH), chỉ dẫn địa lý (CD), thiết kế bố	B	Phức tạp

			trí (TK), tên thương mại (TM). - Thống kê theo nội dung yêu cầu giám định: tương tự, tương đương, yếu tố xâm phạm quyền, hàng hoá giả mạo nhãn hiệu, xác định phạm vi bảo hộ, xác định giá trị thiệt hại - Thống kê theo tên người nộp đơn: tên tổ chức, cá nhân, đại diện sở hữu công nghiệp. - Thống kê theo phân loại chủ thể yêu cầu/trung cầu giám định: YC, TC, TC.TP - Thống kê theo khu vực địa lý: Tỉnh/thành phố, quốc gia. - Thống kê theo thời gian: ngày, tháng, năm, từ...đến.... - Thống kê theo kết quả giám định: tương tự/tương đương/yếu tố xâm phạm/hàng hoá giả mạo nhãn hiệu hoặc KHÔNG - Thống kê theo mục đích giám định: Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, phản đối cáo buộc của người khác về việc xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, xem xét hiệu lực hoặc phạm vi bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, mục đích khác (đánh giá khả năng sử dụng hợp pháp SC/KD/NH/CD). - Thống kê theo tư cách người yêu cầu giám định: chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, người bị xử lý/bị khiếu nại tố cáo vì xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, người có quyền, lợi ích liên quan. - Xuất/In kết quả thống kê		
14	Thống kê tài chính	KT	- Thống kê phí nộp đơn - Thống kê phí giám định - Xuất/In kết quả thống kê	B	Đơn giản

15	Quản lý người dùng	QTHT	- Danh sách người dùng - Thêm mới người dùng - Sửa/cập nhật thông tin người dùng - Xóa người dùng - Thêm người dùng vào nhóm - Đặt lại mật khẩu người dùng - Khóa/Mở khóa người dùng	B	Trung bình
16	Quản lý nhóm người dùng	QTHT	- Danh sách nhóm người dùng - Thêm mới nhóm người dùng - Sửa/cập nhật thông tin nhóm người dùng - Thêm/loại bỏ người dùng trong nhóm - Phân quyền cho nhóm	B	Trung bình
17	Quản lý đối tượng bảo hộ	QTHT	- Danh sách đối tượng bảo hộ - Thêm đối tượng bảo hộ - Sửa/cập nhật thông tin đối tượng bảo hộ - Xóa đối tượng bảo hộ	B	Trung bình
18	Quản lý nội dung yêu cầu giám định	QTHT	- Danh sách nội dung yêu cầu giám định - Thêm mới nội dung yêu cầu giám định - Sửa/cập nhật nội dung yêu cầu giám định - Xóa nội dung yêu cầu giám định	B	Trung bình
19	Quản lý người nộp đơn	QTHT	- Danh sách người nộp đơn - Thêm mới người nộp đơn - Sửa/cập nhật thông tin người nộp đơn - Xóa người nộp đơn	B	Trung bình
20	Quản lý người đại diện	QTHT	- Danh sách người đại diện - Thêm mới người đại diện - Sửa/cập nhật thông tin người đại diện - Xóa người đại diện	B	Trung bình
21	Quản lý loại hồ sơ	QTHT	- Danh sách loại hồ sơ - Thêm mới loại hồ sơ - Sửa/cập nhật thông tin loại hồ sơ - Xóa loại hồ sơ	B	Trung bình

22	Quản lý kết quả giám định	QTHT	- Danh sách kết quả giám định - Thêm mới kết quả giám định - Sửa/cập nhật thông tin kết quả giám định - Xóa kết quả giám định	B	Trung bình
23	Quản lý mục đích giám định	QTHT	- Danh sách mục đích giám định - Thêm mới mục đích giám định - Sửa/cập nhật mục đích giám định - Xóa mục đích giám định	B	Trung bình
24	Xác thực người dùng	NSD	- Đăng nhập hệ thống - Đăng xuất hệ thống - Đổi mật khẩu - Quên mật khẩu	B	Trung bình

b2.5. Yêu cầu phi chức năng

+ Mã hóa dữ liệu ở cả hai trạng thái (AES-256 khi lưu trữ, SSL/TLS khi truyền tải).

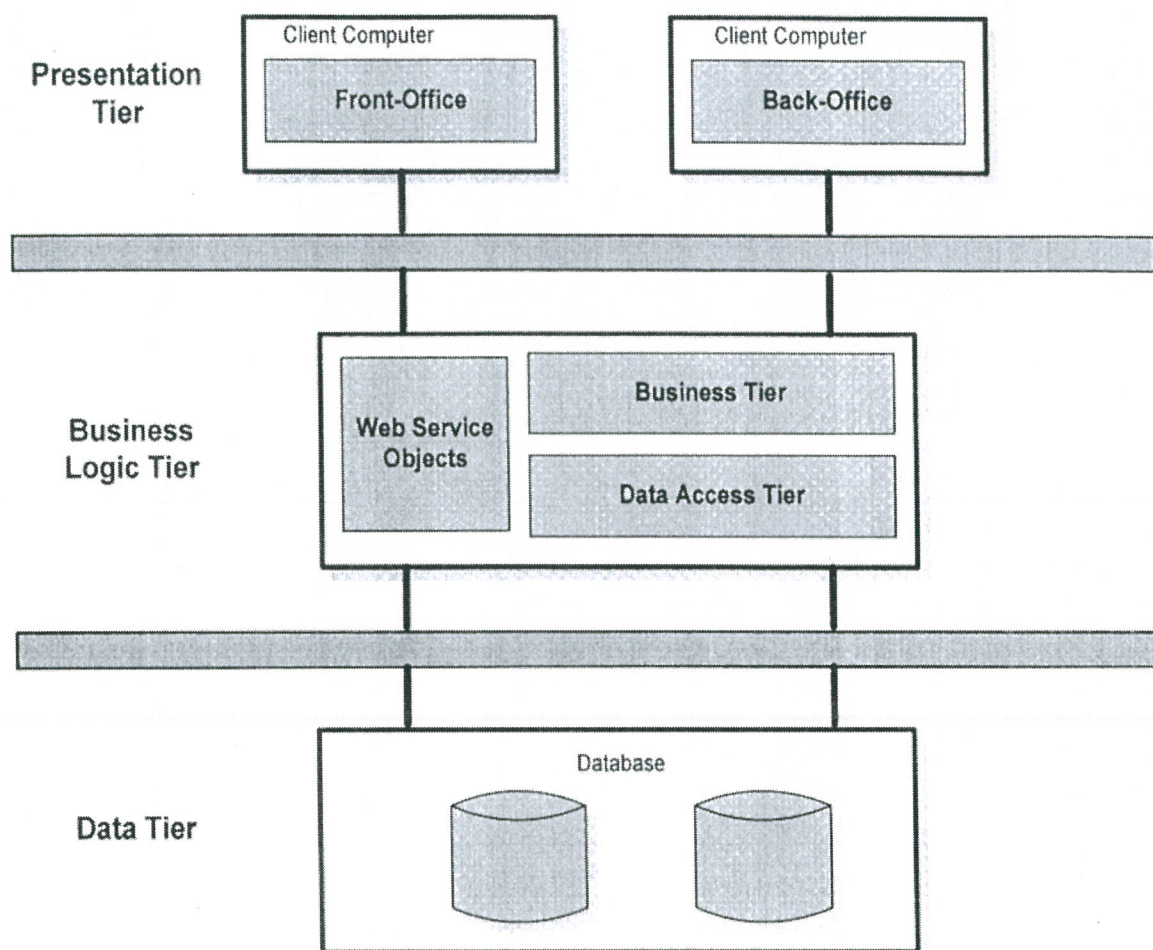
+ Hỗ trợ sao lưu dữ liệu tự động và khôi phục trong trường hợp sự cố (disaster recovery).

+ Giám sát hiệu năng hệ thống (RAM, CPU, lưu trữ, tải người dùng).

b3. Yêu cầu mô hình thiết kế hệ thống

Hệ thống theo mô hình Web 2.0, được triển khai trên môi trường mạng, dựa trên kiến trúc 3 lớp, sử dụng chuẩn Unicode và tuân theo TCVN trong lưu trữ và trao đổi dữ liệu.

Mô hình kiến trúc 3 lớp của hệ thống phần mềm



Trong đó:

- **Tầng trình diễn:** Là tầng tương ứng cho việc giao tiếp giữa người sử dụng với tầng bên dưới (Business Logic Tier) thông qua webservice hoặc thông qua các đối tượng tương ứng. Tầng này được chia làm 2 phần:

+ **Front-Office:** là phần giao tiếp của người sử dụng thông thường vận hành và khai thác các nghiệp vụ trên phần mềm.

+ **Back-Office:** là phần dành cho người quản trị. Phần này thường được giao tiếp với tầng Business Logic thông qua các đối tượng tương ứng trong Business Logic

- **Tầng logic (Business Logic Tier):** Đây là tầng quan trọng nhất của kiến trúc 3 lớp. Mục đích chính của tầng này là để xử lý các nghiệp vụ logic, tăng hiệu năng của hệ thống, tăng cường bảo mật, tăng tính mềm dẻo hơn và tính sử dụng lại. Tầng này chia làm 2 tầng con:

+ **Tầng nghiệp vụ (Business Tier):** Tầng con này liên quan tới việc tính toán, xử lý các nghiệp vụ logic, cung cấp các lớp trừu tượng để truy nhập cơ sở dữ liệu, các lớp này sẽ được thực thi thông qua tầng con truy cập cơ sở dữ liệu (Data Access Tier).

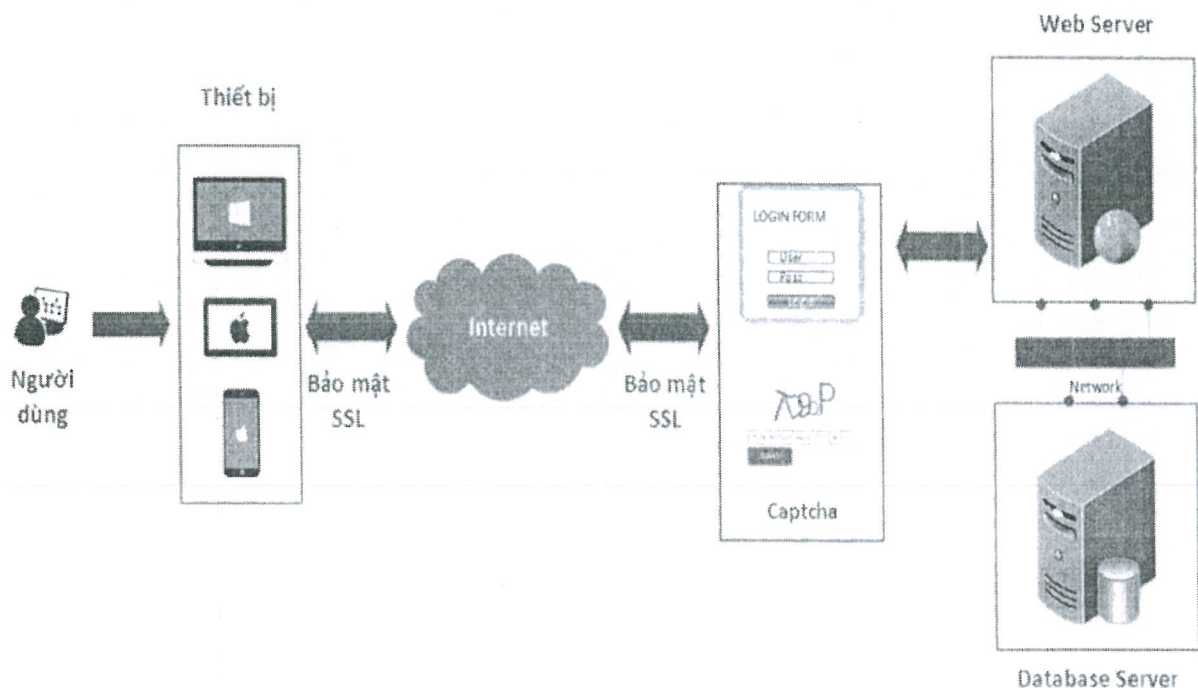
+ **Tầng truy cập cơ sở dữ liệu (Data Access Tier):** Tầng này sẽ lấy trực tiếp thông tin từ cơ sở dữ liệu theo yêu cầu của tầng trên. Khi cần thay đổi hệ quản trị CSDL, chỉ cần sửa đổi và thay đổi tầng con này.

- **Tầng cơ sở dữ liệu (Data Tier):** Tầng này phục vụ cho việc lấy, lưu trữ và cập nhật thông tin. Thông thường ở tầng này là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu: MS SQL Server, Oracle, MySQL . . . hoặc có thể là các file lưu trữ bên ngoài (CSV, Excel...)

Với mô hình kiến trúc 3 lớp như trên của phần mềm, mang lại lợi ích sau:

- Có mức độ bảo mật tốt hơn;
- Mềm dẻo và linh động hơn;
- Với những ứng dụng lớn hàng nghìn người dùng, hệ thống đáp ứng tốt và hiệu quả hơn nhiều;
- Dễ dàng tương thích với các hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác nhau và có điều phối, ưu tiên xử lý các tiến trình quan trọng trong hệ thống;
- Đảm bảo khả năng kết nối với các hệ thống khác để có thể cập nhật, trao đổi các thông tin có liên quan.

Mô hình kiến trúc triển khai hệ thống



Trong đó:

- Hệ thống được thiết kế trên mô hình kiến trúc Web mà cho phép người dùng khai thác hệ thống thông qua môi trường mạng nên không giới hạn về phạm vi địa lý và không yêu cầu cài đặt phần mềm trên máy của người dùng. Để đăng nhập vào

hệ thống, người dùng phải trải qua bước xác thực trên web form và nhập mã CAPTCHA để tăng tính bảo mật.

- Sau khi đăng nhập vào hệ thống, người dùng sẽ tương tác với ứng dụng trên Web Server, sau đó Web Server trao đổi dữ liệu với Database trên Database Server để phục vụ các yêu cầu của người dùng.

b.4. Yêu cầu giải pháp bảo mật và an toàn thông tin

b.4.1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Căn cứ TCVN 11930:2017 công nghệ thông tin, các kỹ thuật an toàn, yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Căn cứ Quyết định số 742/QĐ-BTTTT ngày 22/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Ban hành Yêu cầu an toàn cơ bản đối với Phần mềm nội bộ;

b.4.2. Yêu cầu chung bảo đảm an toàn thông tin

- Mục tiêu: Bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin.

- Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin: Hoạt động an toàn thông tin phải tuân thủ quy định của pháp luật; Không được xâm phạm an toàn thông tin mạng của tổ chức, cá nhân khác; Hoạt động an toàn thông tin mạng phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời và hiệu quả

- Yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin Máy chủ hệ thống: đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, giám sát vận hành máy chủ duy trì hệ thống 24/24 giờ; Sao lưu dữ liệu định kỳ (ít nhất 03 lần/tuần); Cập nhật Hệ điều hành, bản vá phần mềm ứng dụng; Hỗ trợ khôi phục dữ liệu từ các bản sao để khôi phục hoạt động của hệ thống khi xảy ra sự cố.

b5. Yêu cầu về Đào tạo, chuyển giao công nghệ

+ Đào tạo, chuyển giao công nghệ cho đội ngũ cán bộ, giám định viên và cán bộ kỹ thuật của Viện, bảo đảm khả năng vận hành, khai thác và bảo trì hệ thống độc lập sau khi kết thúc nhiệm vụ.

+ Tổ chức tối thiểu 02 khóa đào tạo chuyên sâu về: (1) khai thác, sử dụng phần mềm; (2) quản trị, sao lưu và bảo mật hệ thống.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Chủ đầu tư sẽ phối hợp cùng nhà thầu kiểm tra bàn giao phần mềm, nghiệm thu theo đúng yêu cầu tại E-HSMT.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.